| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN KRÔNG BÚK**<br>**TỈNH ĐẮK LẮK**<br>Bản án số: 08/2025/DS-ST<br>Ngày: 20/5/2025<br>V/v "Tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản" | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Lê Anh Thái.
*Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Ông Y Mưng Niê;
2. Ông Vũ Công Đạt.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Quốc Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đăk Lăk.

**-** *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk tham gia phiên tòa:* Bà Bạch Mai Anh Thi– Kiểm sát viên.

Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đăk Lăk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2024/TLST-DS ngày 14/10/2024 về tranh chấp "Hợp đồng mua bán tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2025/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 13/2025/QĐST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1975 – Vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn X, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Hồ Văn V, sinh năm 1993 (theo giấy ủy quyền ngày 17/7/2024) – Có mặt.
Địa chỉ: Số 42 T, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
**- Bị đơn:** Bà Quảng Thị C, sinh năm 1978 – có mặt.
Địa chỉ: Buôn D, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Hồ Văn V trình bày*:**

Do quen biết bà Quảng Thị C nên bà C có mua hàng hóa là thức ăn gia xúc (cám cho heo) của bà Nguyễn Thị T nhiều lần, đến ngày 16/10/2019 bà C có chốt nợ với bà T số tiền là 130.412.000 đồng. Mặc dù đã quá thời hạn trả nợ cho bà T khoản nợ trên cũng như bà T đã nhiều lần yêu cầu bà C hoàn trả số tiền trên, nhưng đến nay bà C chỉ hẹn lần này đến lần khác, chây ỳ không chịu trả tiền cho bà T như thỏa thuận.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nay bà Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Quảng Thị C có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền là 130.412.000

đồng (*Một trăm ba mươi triệu bốn trăm mười hai nghìn đồng*) bà T không yêu cầu tính lãi.

***- Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên toà bị đơn bà Quảng Thị C trình bày**:*

Do có quan hệ quen biết với bà Nguyễn Thị T và mua thức ăn gia xúc (cám heo) của bà T, mục đích để nuôi gia súc, đến ngày 16/10/2019, bà C chốt số nợ mua hàng với bà T số tiền là 130.412.000 đồng. Nay bà Nguyễn Thị T khởi kiện bà C hoàn trả số tiền trên thì tôi đồng ý trả nợ cho bà T. Tuy nhiên do hoàn cảnh gia đình khó khăn, chăn nuôi gia súc bị dịch bệnh thiệt hại do đó tôi có mong muốn trả nợ dần cho bà T hàng tháng trả là 2.000.000 đồng cho đến khi tôi trả hết nợ số tiền là 130.412.000 đồng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk phát biểu ý kiến:***

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của mình đối với trình tự thủ tục của phiên tòa sơ thẩm; đối với nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70, 71, 72 và Điều 234 BLTTDS.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa có đủ căn cứ để kết luận: Do có mối quan hệ quen biết nên bà Quảng Thị C có mua hàng hóa (cám cho gia súc) của bà T nhiều lần, đến ngày 16/10/2019 bà C có chốt nợ với bà T số tiền 130.412.000 đồng. Mặc dù đã quá hạn trả nợ và nhiều lần yêu cầu bà C hoàn trả số nợ trên nhưng bà C chưa trả bất cứ khoản tiền nào cho bà T. Do vậy, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà C phải có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền là 130.412.000 đồng là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị HĐXX: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, buộc bị đơn bà Quảng Thị C phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 130.412.000 đồng.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:** Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

**[2] Về nội dung tranh chấp:** Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu bị đơn bà Quảng Thị C phải trả 130.412.000 đồng (*Một trặm ba mươi triệu, bốn trăm mười hai nghìn đồng)*, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày, sự thừa nhận của các đương sự, có căn cứ xác định bà Nguyễn Thị T nhiều lần cho bà Quảng Thị C mua nợ thức ăn chăn nuôi và vào ngày 16/10/ 2019 các bên có chốt tổng số tiền nợ mua bán hàng hóa, bà C còn nợ bà T là 130.412.000 đồng. Tuy nhiên quá thời hạn trả nợ và nhiều lần bà T yêu cầu bà C hoàn trả số nợ trên nhưng bà C không trả bất kỳ khoản tiền nào

cho bà T, quá trình giải quyết vụ án các bên không thỏa thuận được với nhau về thời hạn và phương thức trả trả nợ. Về phía bị đơn bà Quảng Thị C có nguyện vọng xin trả dần mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi trả nợ xong số tiền 130.412.000 đồng vì hoàn cảnh gia đình khó khăn, tuy nhiên hai bên không thỏa thuận được với nhau về thời hạn trả nợ và phương thức trả nợ nên hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận ý kiến của bà C.

Vì vậy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T là có căn cứ nên cần chấp nhận toàn bộ là phù hợp với quy định tại các Điều 430, 431, 433, 434, 440 Bộ luật Dân sự 2015.

**[3] Về án phí:** Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T được chấp nhận toàn bộ nên buộc bị đơn bà Quảng Thị C phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền 6.520.600 đồng (theo mức tính 130.412.000 đồng x 5%).

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị T số tiền 3.260.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu thu tạm ứng án phí số AA/2023/0006403 ngày 10/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk là phù hợp Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Vì các lẽ trên;***

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng: Các Điều 430, 433, 434, 440 Bộ luật Dân sự 2015.

Áp dụng: Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử*:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

Buộc bị đơn bà Quảng Thị C phải trả cho bà Nguyễn Thị T tổng số tiền còn nợ là 130.412.000 đồng (*Một trặm ba mươi triệu, bốn trăm mười hai nghìn đồng)*, bà T không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Bị đơn bà Quảng Thị C phải chịu 6.520.600 đồng *(Sáu triệu năm trăm hai mươi ngàn sáu trăm đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị T số tiền 3.260.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu thu tạm ứng án phí số AA/2023/0006403 ngày 10/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Đã ký**

**Lê Anh Thái**

**Nơi nhận:**
- *TAND tỉnh Đăk Lăk;*
- *VKSND huyện Krông Búk;*
- *Chi cục THADS huyện Krông Búk;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, Vp.*